

TAND HUYỆN TU
TỈNH LC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-10-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Thành;

Ông Nguyễn Trung Kiên;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa: Ông Tòng Văn Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU tỉnh LC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị P, sinh năm: 1992; Nơi ĐKKHKT: Bản NX, xã PT, huyện TU, tỉnh LC; (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn L, sinh năm: 1984; Nơi ĐKKHKT: Bản NX, xã PT, huyện TU, tỉnh LC; (Vắng mặt không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hà Thị P trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị P và anh Tòng Văn L tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU, tỉnh LC. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại bản NX, xã PT, huyện TU, tỉnh LC. Sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình và bất đồng quan điểm sống, anh Tòng Văn L không chịu khó làm ăn, lao động sản xuất, thường xuyên tụ tập cùng bạn bè, sử dụng rượu, bia và ma túy, không chăm lo cho vợ con, phát triển

kinh tế gia đình dẫn đến mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Hà Thị P xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tòng Văn L.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Hà Thị P và anh Tòng Văn L có một con chung chưa thành niên là cháu Tòng Tiến Đ, sinh ngày 23/11/2019, hiện đang sống cùng chị Hà Thị P. Ly hôn, chị Hà Thị P có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên và không yêu cầu anh Tòng Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Hà Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Hà Thị P đã nộp cho Tòa án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 81/2017 ngày 08/12/2017; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 365/2019 ngày 02/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU cấp. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện TU đã thụ lý vụ án và xác minh tại nơi cư trú và đại diện hai bên gia đình chị Hà Thị P, anh Tòng Văn L xác định: Anh Tòng Văn L và chị Hà Thị P sống chung có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU. Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại bản NX, xã PT, huyện TU, tỉnh LC. Quá trình chung sống anh L, chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Tòng Văn L nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn, lao động sản xuất, thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh Tòng Văn L là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại xã PT, huyện TU là 3.500.000 đồng/người/tháng. Chị Hà Thị P là dược sỹ công tác tại Trung tâm y tế huyện TU với mức lương là 7.628.400 đồng/tháng. Anh Tòng Văn L vẫn có mặt ở địa phương tại thời điểm giải quyết vụ án nhưng không có mặt tại nơi cư trú khi Tòa án thực hiện tổng Đ các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được, đồng thời thông báo, niêm yết kết quả phiên họp theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Hà Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Tòng Văn L. Anh Tòng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án, gây khó khăn trong việc tổng Đ các văn bản tố tụng nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hà Thị P ly hôn với anh Tòng Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Hà Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Tòng Tiến Đ, sinh ngày 23/11/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Do chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo

quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Tòng Văn L có hộ khẩu thường trú tại bản NX, xã PT, huyện Than Uyên, tỉnh LC. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng Đ, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, qua xác minh, anh Tòng Văn L thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú không rõ thời điểm trở về nên không thể cấp, tổng Đ, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh L. Tại thời điểm tổng Đ các văn bản tố tụng anh Tòng Văn L vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản NX, xã PT, huyện TU, tỉnh LC nên căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TU tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 11/10/2023, Tòa án nhân dân huyện TU mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Tòng Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 29/11/2023, Tòa án mở L phiên tòa, anh Tòng Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Tòng Văn L.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã PT và Ủy ban nhân dân xã Ta Gia, huyện TU, tỉnh LC và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị Hà Thị P và anh Tòng Văn L sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU, tỉnh LC trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Chị Hà Thị P và anh Tòng Văn L sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Tòng Văn L sử dụng ma túy, không chịu khó làm ăn, lao động sản xuất, thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh L không chấp hành các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng chị Hà Thị P, anh Tông Văn L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, anh L mắc vào tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị P là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị Hà Thị P được ly hôn với anh Tông Văn L.

[3.2] Về nuôi con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 365/2019 ngày 02/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU cấp xác định, trong thời kỳ hôn nhân, chị Hà Thị P và anh Tông Văn L có một con chung chưa thành niên là Tông Tiến Đ, sinh ngày 23/11/2019.

Xét về điều kiện nuôi con, Anh Tông Văn L và chị Hà Thị P đều có nơi cư trú ổn định. Anh Tông Văn L là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại xã PT, huyện TU là 3.500.000 đồng/người/tháng. Chị Hà Thị P là dược sỹ công tác tại Trung tâm y tế huyện TU với mức lương là 7.628.400 đồng/tháng. Qua xác minh, anh Tông Văn L nghiện chất ma túy, thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú nên không có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Về phía chị Hà Thị P có đủ điều kiện đảm bảo việc sinh hoạt, học tập của con chung chưa thành niên.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Tông Tiến Đ hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị P, giao cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị P không yêu cầu anh Tông Văn L cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Hà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị P, xử cho chị Hà Thị P ly hôn với anh Tòng Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hà Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Tòng Tiến Đ, sinh ngày 23/11/2019 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Anh Tòng Văn L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Hà Thị P theo Quyết định của Tòa án. Chị P có quyền yêu cầu anh L cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Tòng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị P không yêu cầu anh Tòng Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Hà Thị P đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số **AA/2021/0001519 ngày 10/7/2023** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện TU;
- Các đương sự (Để thi hành);
- UBND xã PT, huyện TU, tỉnh LC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Quàng Thị Phương